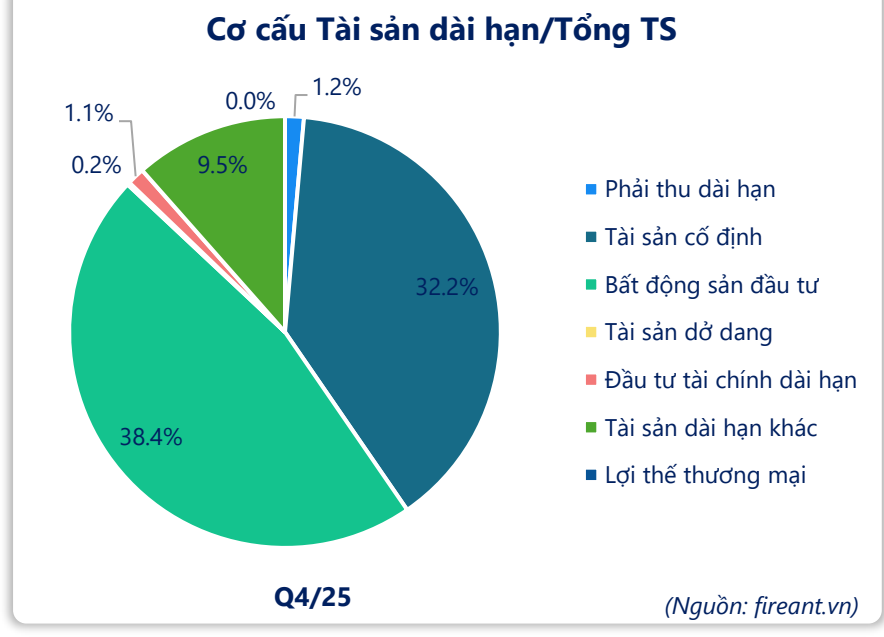
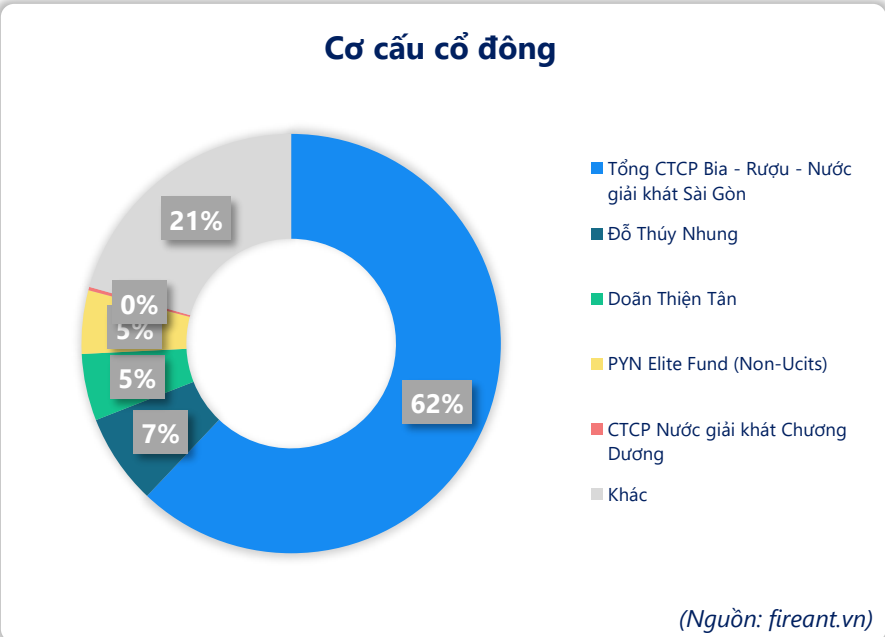
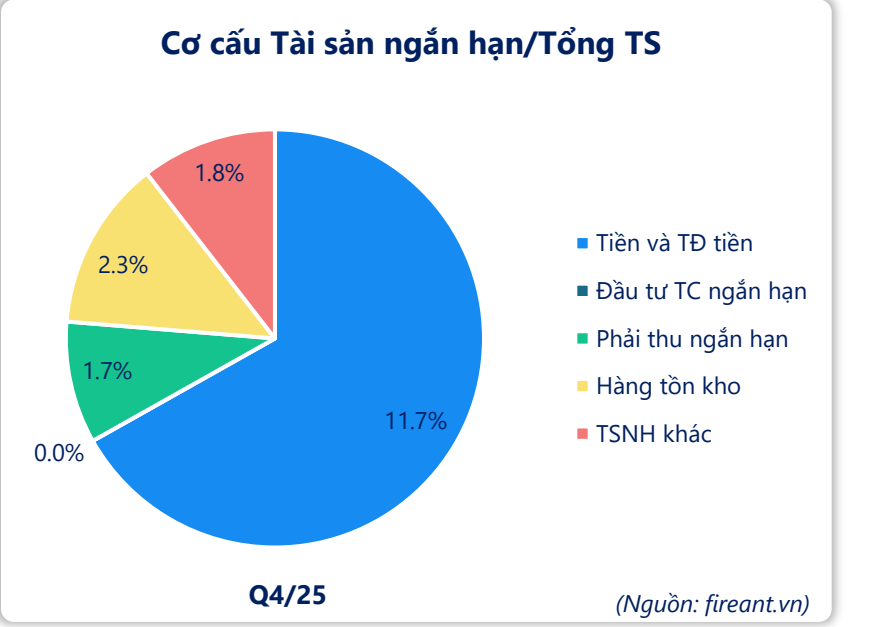
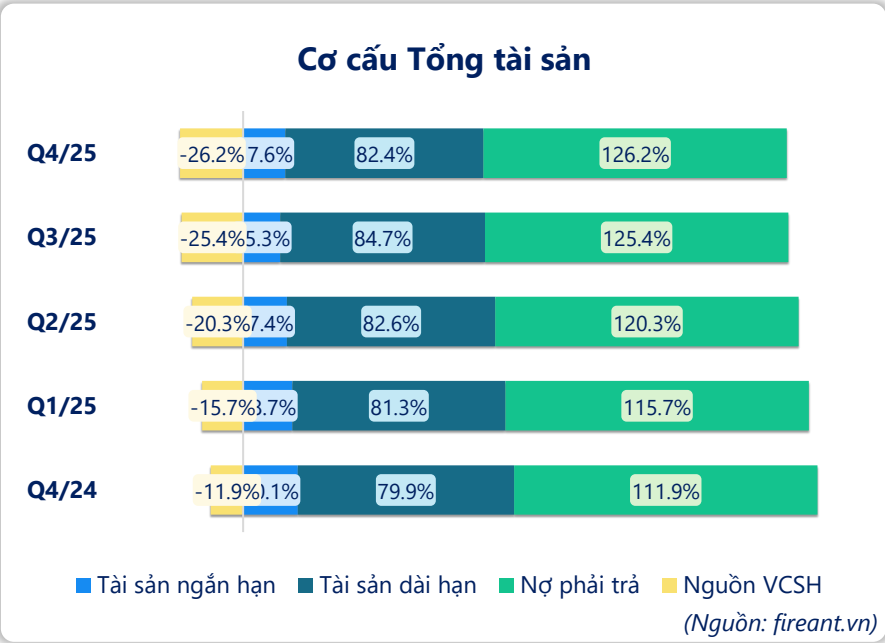
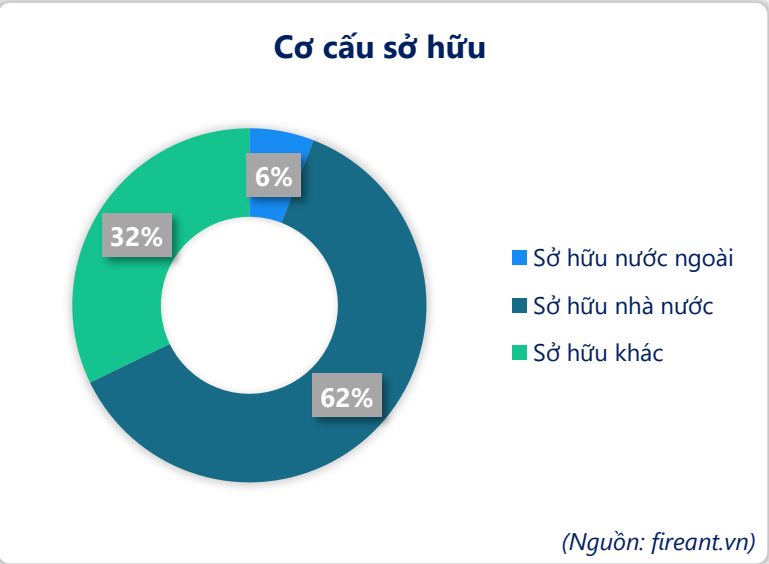
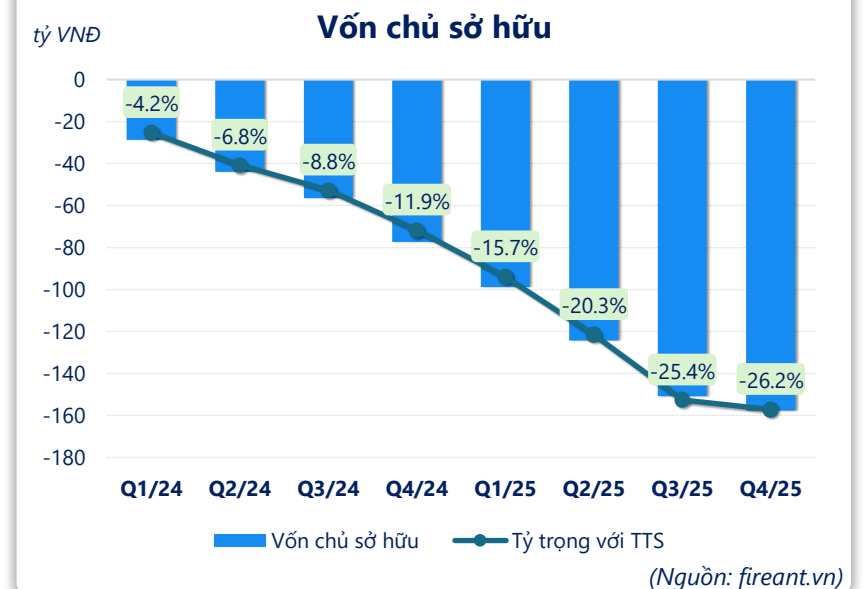
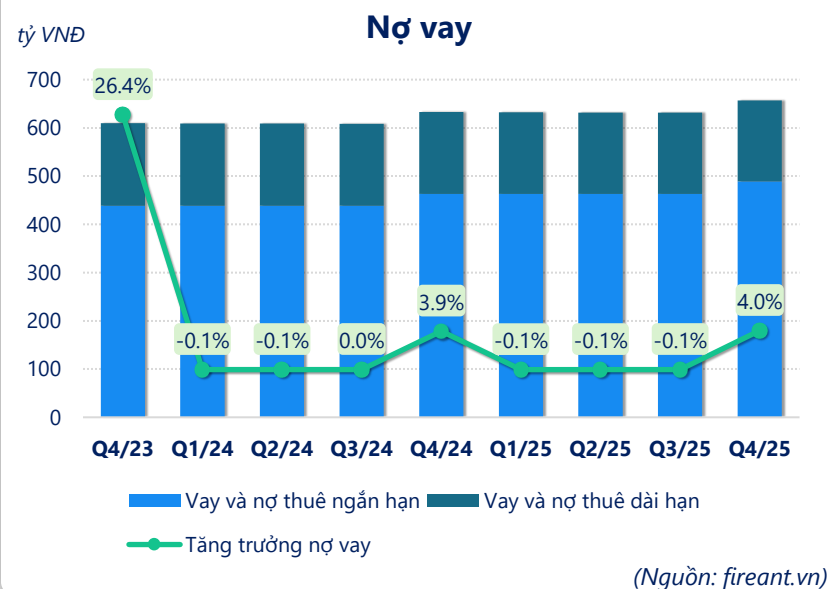
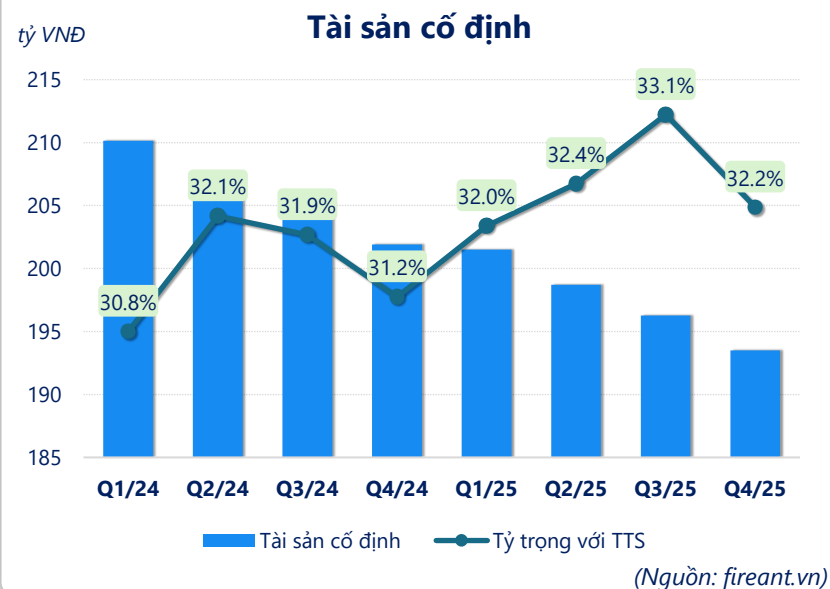
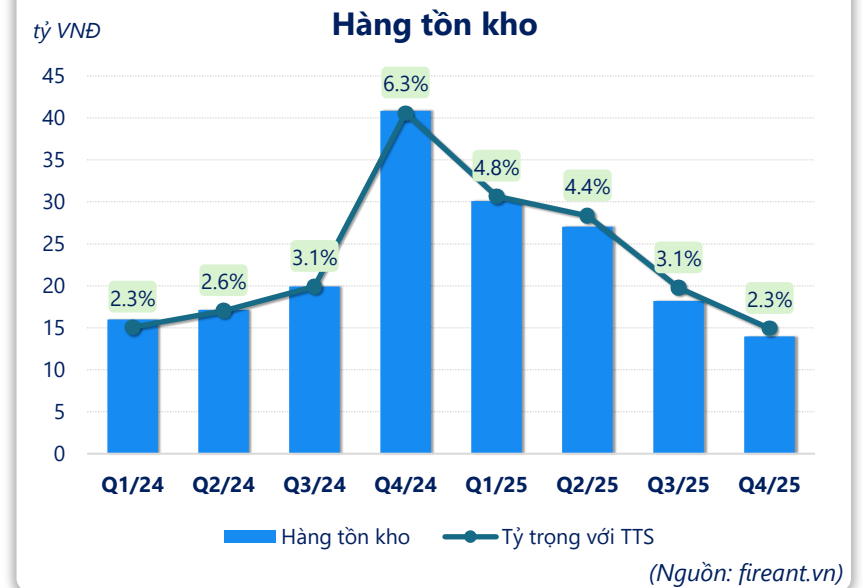
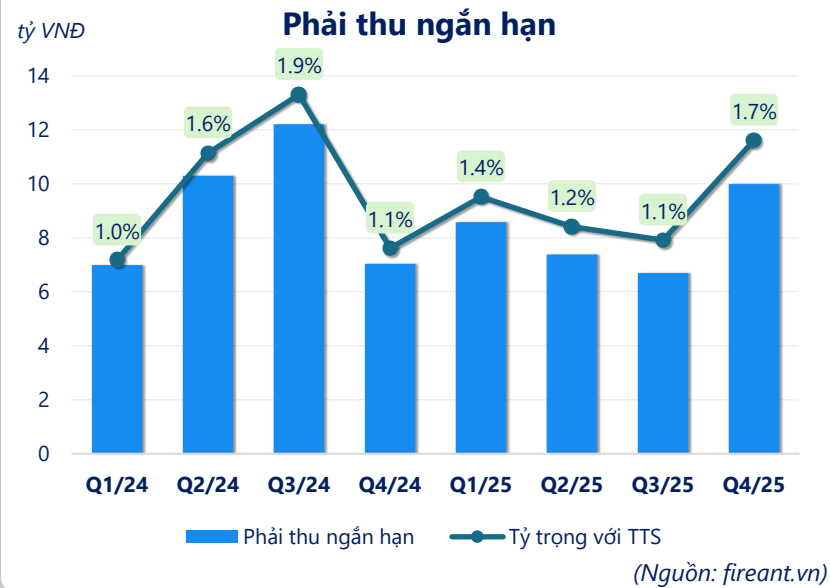
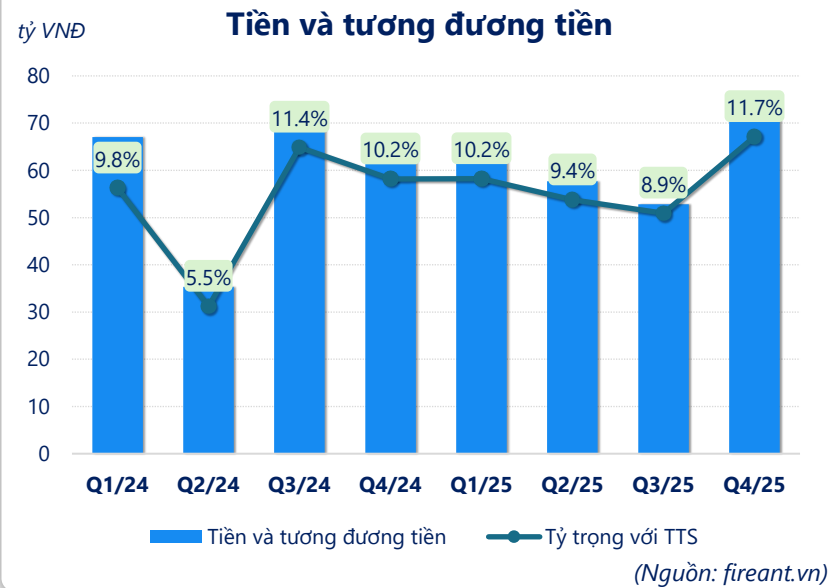
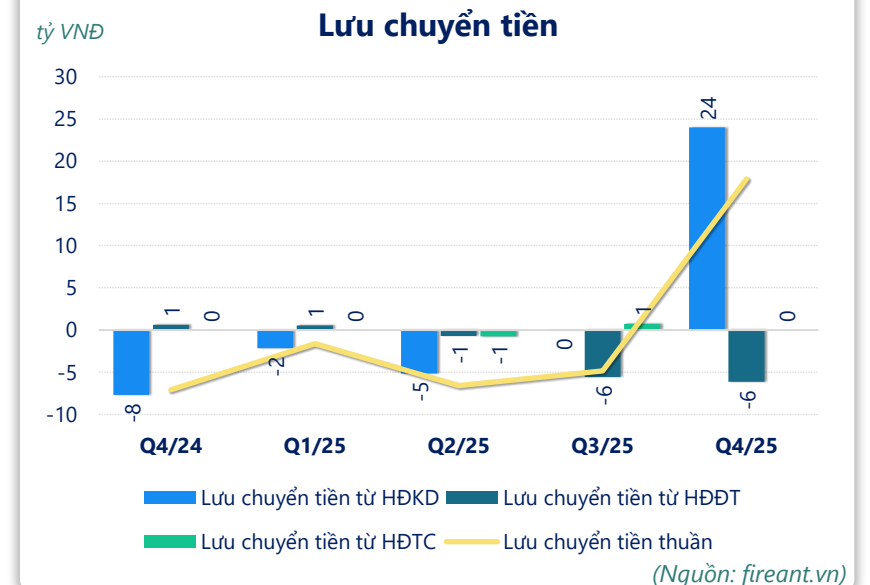
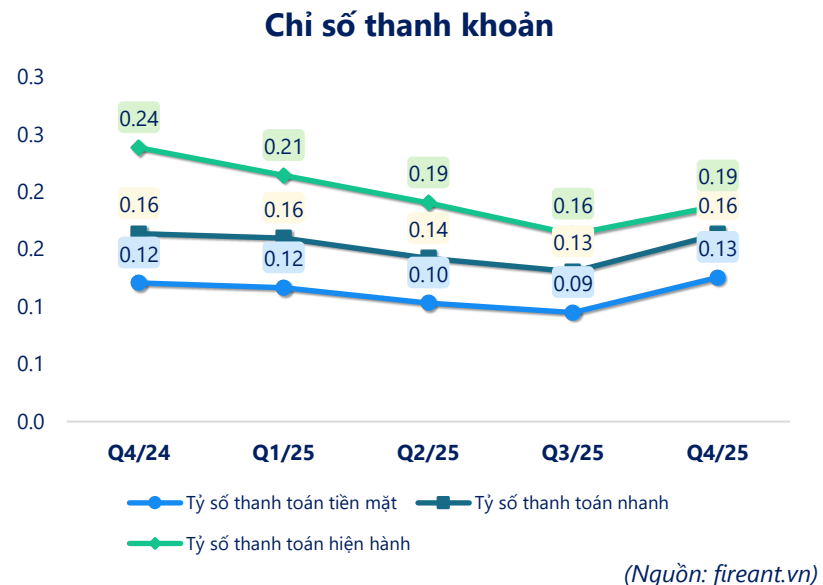
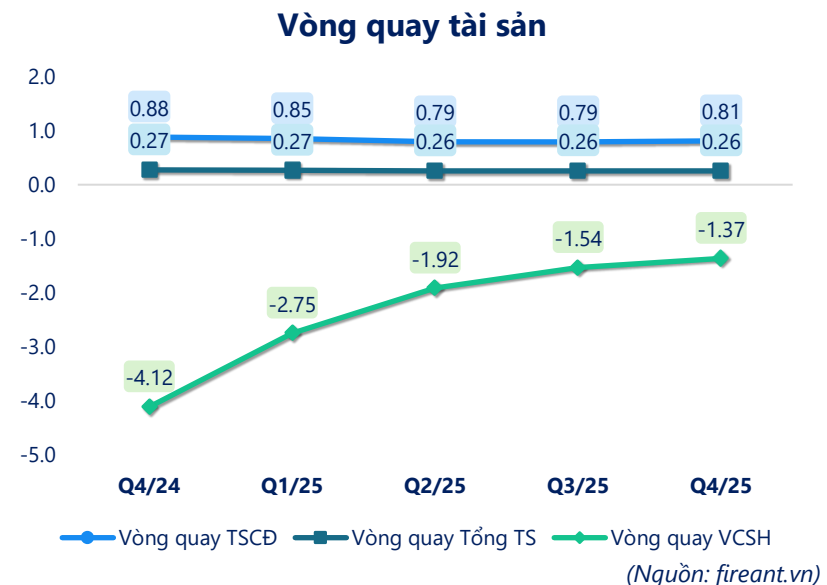
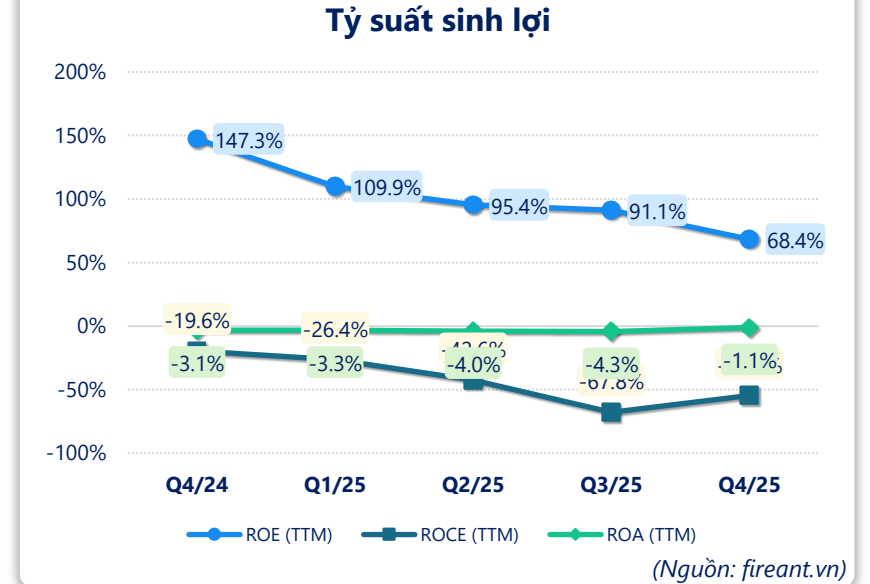
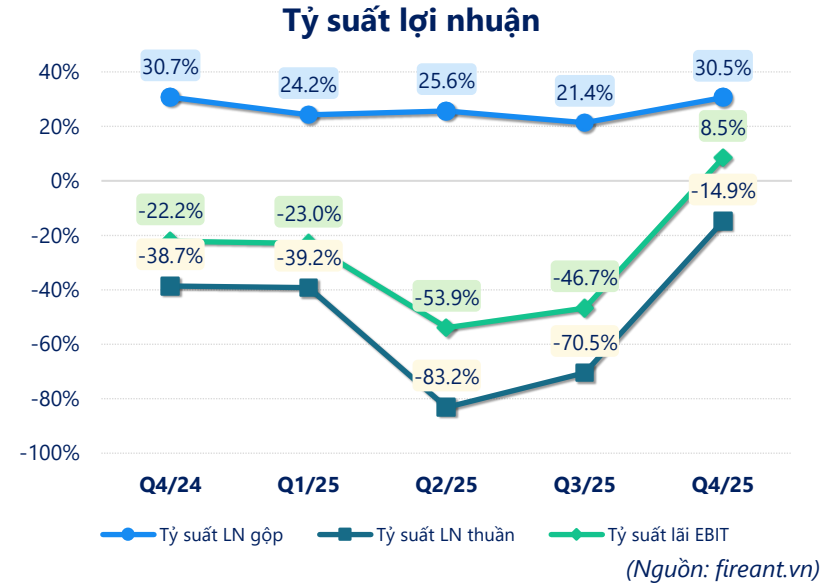
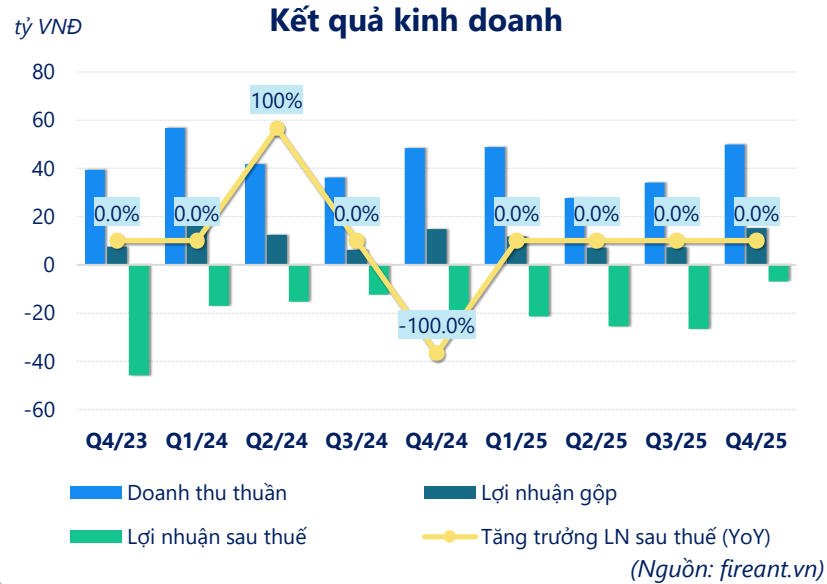


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,800
SL cổ phiếu LH		8,477,640
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,990
% sở hữu nước ngoài		5.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		83
P/E		-1.0
EPS		-9,479

	YTD	1T	3T	6T
SCD	-31.5%	-28.5%	-20.3%	-24.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	602	647	-7.0%
Tài sản ngắn hạn	106	130	-18.8%
Tiền và tương đương tiền	70.7	65.9	7.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	9.99	7.04	41.9%
Hàng tồn kho	14.0	40.9	-65.8%
Tài sản ngắn hạn khác	11.1	16.4	-32.4%
Tài sản dài hạn	496	517	-4.0%
Phải thu dài hạn	7.00	7.00	0.0%
Tài sản cố định	194	202	-4.2%
Bất động sản đầu tư	231	241	-4.3%
Tài sản dở dang	0.97	2.24	-56.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.50	6.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	57.1	58.0	-1.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	760	724	4.8%
Nợ ngắn hạn	564	547	3.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	489	463	5.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	35.4	41.9	-15.6%
Nợ dài hạn	196	178	10.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	168	169	-0.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-158	-77.3	-104%
Vốn chủ sở hữu	-158	-77.3	-104%
Vốn điều lệ	85.0	85.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	48.4	48.8	27.7	34.1	49.8
Giá vốn hàng bán	33.6	37.0	20.6	26.8	34.6
Lợi nhuận gộp	14.9	11.8	7.10	7.28	15.2
Doanh thu HĐTC	0.64	0.59	0.50	0.40	0.39
Chi phí TC	10.3	10.3	10.7	10.8	11.6
Chi phí lãi vay	10.3	10.3	10.6	10.8	11.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	16.5	17.0	15.2	15.7	4.88
Chi phí QLDN	7.35	4.23	4.82	5.20	6.58
LN thuần từ HĐKD	-18.7	-19.1	-23.0	-24.0	-7.42
Lợi nhuận khác	-2.35	-2.46	-2.53	-2.68	0.06
LN trước thuế	-21.1	-21.6	-25.6	-26.7	-7.35
Lợi nhuận sau thuế	-20.9	-21.4	-25.4	-26.5	-6.94
LNST của CĐ cty mẹ	-20.9	-21.4	-25.4	-26.5	-6.94

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.69	-2.17	-5.15	-0.03	24.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.62	0.55	-0.70	-5.57	-6.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-0.74	0.74	0
Tiền đầu kỳ	72.9	65.9	64.3	57.7	52.8
Lưu chuyển tiền thuần	-7.08	-1.62	-6.58	-4.86	17.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.01
Tiền cuối kỳ	65.9	64.3	57.7	52.8	70.7

(Nguồn: fireant.vn)